

Bản án số: **152/2020/HS-PT**

Ngày: 12 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Thanh Long**

Ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Ngọc Thanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 28/2019/HSPT ngày 11/12/2019, đối với bị cáo Lê Văn T và Trần Vũ T1 bị xét xử về tội: “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2019/HS-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Lê Văn T (tên gọi khác: S), sinh ngày 07 tháng 07 năm 1976 tại Quảng Trị. Nơi cư trú: Thôn T An, xã H, huyện G, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S và bà Võ Thị T; có vợ Lê Thị T và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/01/2019; có mặt.

2. Trần Vũ T1, sinh ngày 19 tháng 4 năm 1984 tại Hưng Yên. Nơi cư trú: tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Vũ Đ và bà Nguyễn Thị H; có vợ Phạm Thị M và 02 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 23/11/2018; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông **Quý H** - Luật sư, Văn phòng Luật sư B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn T An, xã H, huyện G, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 21/11/2018, tại địa phận huyện P, Thừa Thiên Huế, Đội tuần tra – Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thừa Thiên Huế phát hiện xe Container Biển kiểm soát 29LD – 5148, kéo theo rơmoóc BKS 50R – 013.87 vi phạm giao thông. Tiến hành kiểm tra hàng hóa thì phát hiện 04 bao hàng nghi là thuốc nổ nên đã tạm giữ người, phương tiện và tang vật. Sau đó bàn giao vụ việc cho Công an huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế tiến hành xác minh làm rõ. Tại biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 21/11/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tiến hành thu giữ 04 bao hàng trên với tổng khối lượng là 170 kg.

Ngày 21/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 187/QĐ-TCGD đối với tang vật đã thu giữ.

Ngày 25/11/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế có kết luận giám định số 433/GĐ kết luận: chất rắn màu trắng, xám được trích mẫu từ 04 bao tải do Trần Vũ T1 vận chuyển đều là thuốc nổ, loại thuốc nổ hỗn hợp có thành phần RDX (Hexogen), TNT (Trinitrotoluen) và bột nhôm (Al).

Theo bị cáo T1 khai nhận: Bị cáo là nhân viên lái xe vận chuyển hàng hóa thuộc công ty L Việt Nam (địa chỉ: Hà Nội). Trong quá trình lái xe chở hàng cho Công ty, T1 có quen biết với một người đàn ông tên T2 (không rõ lai lịch, nhân thân), ở khu vực huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; người này thuê T1 vận chuyển hàng hóa từ tỉnh Quảng Trị vào tỉnh Quảng Nam và huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, với giá là 500.000 đồng một bao hàng và T1 nhận lời đồng ý. T1 lưu số điện thoại của người tên T2 vào danh bạ điện thoại của T1 với bí danh là “vòng xuyên” (số điện thoại 0935679275) vào sim của T1 (số điện thoại 0982440266). T2 đã thống nhất với T1, khi nào xe bắt đầu xuất phát từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh thì T1 điện báo để T2 chuẩn bị hàng tại Quảng Trị. T2 hướng dẫn T1 khi đến Quảng Trị sẽ có đối tượng Lê Văn T sử dụng điện thoại (số 0915026944) liên hệ với T1 để giao hàng và đã nhiều lần nhận hàng hóa do T giao và vận chuyển từ Quảng Trị vào Quảng Ngãi cho T2.

Ngày 20/11/2018, Lê Văn T sử dụng số điện thoại 0915026944 gọi cho

Trần Vũ T1 hỏi khi nào xe của T1 sẽ đến tỉnh Quảng Trị, T1 trả lời khoảng trưa ngày 21/11/2018 thì xe của T1 sẽ đến tỉnh Quảng Trị.

Cũng trong ngày 20/11/2018, Trần Vũ T1 và Lương Đình H (là lái xe của Công ty TNHH L Việt Nam), cùng điều khiển xe container Biển kiểm soát 29LD – 5148, kéo theo rơmoóc BKS 50R – 013.87, vận chuyển hàng hóa của Công ty TNHH L Việt Nam (gồm 56 chiếc xe máy Yamaha) xuất phát từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh; dọc đường T1 và H thay nhau điều khiển xe. Sáng ngày 21/11/2018 khi xe gần đến đường tránh của tỉnh Quảng Bình, T1 dùng điện thoại số 0915026944 gọi cho T1 hỏi xe đã vào đến Quảng Trị chưa, T1 trả lời đang ở đường tránh thuộc tỉnh Quảng Bình (lúc này T1 là người điều khiển xe). T1 yêu cầu T1 khi nào xe vào đến trạm thu phí A thuộc huyện T, tỉnh Quảng Trị thì gọi cho T, T1 đồng ý. Khoảng 11 giờ ngày 21/11/2018, khi xe qua trạm thu phí, T1 dùng điện thoại số 0982440266 gọi cho T (số 0915026944) thông báo cho T biết. T bảo T1 cho dừng xe gần cột điện cạnh trục đường QL1A, cách trạm thu phí A khoảng 200m hướng về phía tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau đó, T1 điều khiển xe ô tô 04 chỗ ngồi, hiệu Mada 3 màu trắng, BKS 74A – 065.53 chạy hướng từ Quảng Trị vào Huế, chạy lên vỉa hè, đổ phía bên phải thùng container xe T. T xuống xe, mở cốp xe và lấy ra 04 (bốn) bao thuốc nổ được đựng trong các bao sợi nylon màu vàng và màu trắng (gồm ba bao màu vàng, một bao màu trắng), mỗi bao khoảng 45 kg (bốn mươi lăm kilogam), tổng trọng lượng khoảng 170 kg (một trăm bảy mươi kilogam), đặt ở vỉa hè, cạnh xe T. Sau đó, T1 đi đến và cùng T chuyển 02 (hai) bao thuốc nổ đặt vào cốp thùng xe container của T1. Lúc này Lương Đình H đang ngủ ở ghế sau trong buồng lái đã xuống xe và đi vệ sinh cách đầu xe container khoảng 06 mét, hướng về phía trong vỉa hè. Khi H đi vệ sinh xong, đi lại phía T1 thì T lên xe của mình và lái xe đi. H đã giúp T1 chuyển 02 bao thuốc nổ còn lại đặt lên trên cốp thùng container, cả hai lấy 01 (một) tấm bạt màu xanh phủ trên các bao hàng và lấy dây (loại dây dù) buộc chặt lại (T1 không trao đổi cụ thể cho H biết về số hàng hóa này và H cũng không biết đó là thuốc nổ). Sau đó, T1 tiếp tục điều khiển xe hướng vào phía Nam. Dọc đường đi, T1 điện thoại cho T để hỏi tiền vận chuyển, T thông báo giá vận chuyển là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) mỗi bao và do người nhận hàng ở Quảng Ngãi thanh toán, T1 đồng ý. Khoảng 12 giờ 45 phút cùng ngày, khi xe T1 đang lưu thông đến địa phận huyện P, Thừa Thiên Huế thì bị Đội tuần tra – Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thừa Thiên Huế phát hiện vi phạm giao thông, kiểm tra hàng hóa và phát hiện 04 bao hàng nghi là thuốc nổ nên đã tạm giữ người, phương tiện và tang vật.

Đối với Lê Văn T, căn cứ lời khai của Trần Vũ T1, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã tiến hành trích xuất hình ảnh của các

phương tiện đi qua trạm thu phí A thuộc huyện T, tỉnh Quảng Trị: vào khoảng thời gian từ 10 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút ngày 21/11/2018 để truy tìm xe ô tô hiệu Mazda 3 màu trắng đã chở thuốc nổ đến giao cho Trần Vũ T1. Kết quả đã xác định được lúc 11 giờ 10 phút ngày 21/11/2018 xe ô tô Mazda 3, BKS 74A – 065.33 do Lê Văn T điều khiển đã đi qua trạm (hướng đi vào Huế) sau đó 10 phút thì quay về. Cùng với việc truy tìm đối tượng điều khiển xe ô tô đã chở thuốc nổ đến giao cho T1, Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành thu giữ lịch sử cuộc gọi từ số máy của Trần Vũ T1 đến số máy của Lê Văn T trong các ngày 20 và 21/11/2018, kết quả xác định được trong hai ngày này T và T1 đã nhiều lần liên lạc với nhau để xác nhận thời gian, địa điểm giao nhận 04 bao thuốc nổ này đúng như lời khai của T1. Sau khi tiến hành cho bị can T1 nhận dạng và xác định đúng Lê Văn T là người đã lái xe ô tô Mazda 3 màu trắng đến giao cho T1 04 bao thuốc nổ tại khu vực cách trạm thu phí A thuộc huyện T, tỉnh Quảng Trị khoảng 200 mét, ngày 30/01/2019 Lê Văn T đã bị Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế bắt giữ. Quá trình điều tra Lê Văn T khai báo quanh co, chỉ thừa nhận đã chở 04 bao hàng (không biết rõ là thuốc nổ) cho một người đàn ông tên là N (T khai quen biết trước đó) từ ngã ba cầu Đ thuộc thị trấn C, tỉnh Quảng Trị đến đoạn đường qua trạm thu phí A khoảng 200 mét để giao hàng cho lái xe container và người đàn ông tên N này đã trả tiền công cho T là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên T không khai rõ được người đàn ông tên N lai lịch căn cước, địa chỉ như thế nào, số điện thoại để liên lạc ra sao.

Với nội dung nêu trên tại bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2019/HS-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 305; Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo: **Lê Văn T 15 (mười lăm) năm tù** về tội: “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 30/01/2019.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 305; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo: **Trần Vũ T1 10 (mười) năm tù** về tội: “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ 23/11/2018.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 các bị cáo Lê Văn T và Trần Vũ T1 kháng

cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T và Trần Vũ T1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp Cao tại Đà Nẵng đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo T1 và xem xét tình tiết giảm nhẹ mới “thật thà khai báo, ăn năn hối cải” đối với bị cáo T.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vào khoảng 11 giờ 10 phút ngày 21 tháng 11 năm 2018, Lê Văn T điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát 74A-065.53 chở 04 bao thuốc nổ đến đoạn đường Quốc lộ 1A thuộc địa phận huyện T, tỉnh Quảng Trị (cách trạm thu phí A khoảng 200 m) sau đó giao cho Trần Vũ T1 để T1 sử dụng xe ô tô Container Biển kiểm soát 29LD-5148 (kéo theo sơ mi romooc Biển kiểm soát 50R-103.87) vận chuyển vào Quảng Ngãi. Khi xe container 29LD-5148 đến địa phận huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế thì bị Công an tỉnh Thừa Thiên Huế phát hiện và thu giữ trên xe 04 bao thuốc nổ với tổng trọng lượng là 168kg. Tại Bản kết luận giám định số 433/GĐ ngày 25/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã kết luận: *Chất rắn màu trắng, xám được trích mẫu từ 04 bao tải do Trần Vũ T1 vận chuyển đều là thuốc nổ, loại thuốc nổ hỗn hợp có thành phần RDX (Hexogen), TNT (Trinitrotoluen) và bột nhôm (Al).*

[2]. Với các hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã xét xử các bị cáo Lê Văn T và Trần Vũ T1 về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại khoản 4 Điều 305 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có cơ sở đúng pháp luật.

[3]. Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý vật liệu nổ của Nhà nước. Bị cáo T là người chủ động, trực tiếp mang thuốc nổ và liên lạc với bị cáo T1, để giao cho bị cáo T1 vận chuyển nên bị cáo vừa là người tổ chức, vừa là người thực hành và phải chịu trách nhiệm chính. Đối với bị cáo T1 tiếp nhận ý chí của T và trực tiếp vận chuyển thuốc nổ nên bị cáo đồng phạm với vai trò là người thực hành.

Tại cấp sơ thẩm bị cáo T còn chưa thật thà khai báo và ăn năn hối cải bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo T mức án 15 năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp và thỏa đáng. Sau phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo T đã tỏ ra thật thà khai báo và thực sự biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hội đồng xét xử xét thấy cần xem đây là tình tiết giảm nhẹ mới để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, nhằm thể hiện sự khoan hồng và nhân đạo của pháp luật, để giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt. Trong vụ án này bị cáo chở hàng thuê do vậy phạm tội đều cùng với động cơ vụ lợi.

Đối với bị cáo T1, xét thấy trong vụ án này trước khi nhận chở hàng thì bị cáo chưa biết là thuốc nổ, tuy nhiên khi T giao hàng thì bị cáo biết nhưng vẫn chấp nhận chở thuê cho T. Như vậy bị cáo thực hiện với vai trò thứ yếu, chỉ là người chở thuê, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, sau khi bị phát hiện đã tích cực cùng với cơ quan điều tra, điều tra tội phạm. Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo mức án 10 năm tù là đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, tuy nhiên tại cấp phúc thẩm hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vì động cơ vụ lợi chở thuê, hiện nay gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo lại là lao động chính trong gia đình (có xác nhận của chính quyền địa phương), ông ngoại bị cáo là Hoàng Văn Tình là người được thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Hội đồng phúc thẩm xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn T và Trần Vũ T1. Sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2019/HS-ST ngày 28/10/2019, của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.1. Căn cứ vào khoản 4 Điều 305; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Lê Văn T 13 (Mười ba) năm tù** về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 30/01/2019.

1.2. Căn cứ vào khoản 4 Điều 305; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo: **Trần Vũ T1 09 (Chín) năm tù** về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ 23/11/2018.

2. Án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo Lê Văn T, Trần Vũ T1 không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- CQ CSTHAHS - CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành